TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN MINH** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 20-7-2022
Về việc ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Trường Hận.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lưu Văn Bình.

2. Ông Nguyễn Tấn Để.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Cao Vũ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa***: Ông Trần Văn Ý - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 7 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 103/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2022 về việc *"Ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 105/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/7/2022, giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Bà H, sinh năm 1971; *Có mặt*

2- Bị đơn: Ông C, sinh năm 1967; *Có đơn xin vắng mặt*

Cùng địa chỉ: ấp X, xã H, huyện M, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày: Năm 1989 bà H và ông C sống chung với nhau nhưng đến nay vẫn không đăng ký kết hôn. Sống chung được 15 năm thì không còn hạnh phúc nữa, thường xuyên cự cải; ông C thường đi sớm về tối. Bà H và ông C đã sống ly thân khoảng hơn 10 năm. Nay thấy không thể hàn gắn được nên yêu cầu ly hôn.

Ông bà có 02 người con là T, sinh năm 1989 và T1, sinh năm 1992, hiện nay đã trưởng thành, có cuộc sống riêng nên không yêu cầu gì. Bà H trình bày không có tài sản và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn vắng mặt phiên tòa, tại biên bản ghi lời khai ngày 01/7/2022 bị đơn trình bày:* Ông C và bà H cưới nhau năm 1989, đến nay không có đăng ký kết hôn. Có 02 người con chung là T, sinh năm 1989 và T1, sinh năm 1992. Cách nay khoảng mười mấy năm không nhớ rõ năm nào, ông C bị bệnh tai biến nên ông và bà H không chung sống với nhau nữa, nhà thì ở chung nhưng ăn riêng, sinh hoạt mọi thứ đều riêng, không ai nói gì đến ai. Hiện nay bà H muốn ly hôn thì ông C đồng ý. Tài sản không yêu cầu phân chia nhưng nếu bà H ở nhà với các con thì cứ ở, còn nếu có chồng thì phải đi nơi khác, không được dẫn chồng hay dẫn bồ về ở nhà của ông C. Ông C không yêu cầu gì khác.

- *Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình. Ông C có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đúng quy định. Ông C và bà H sống chung từ năm 1989 nhưng không đăng ký kết hôn nên đề nghị không công nhận là vợ chồng. Không ai yêu cầu gì khác nên đề nghị không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà H và ông C không đăng ký kết hôn nhưng có yêu cầu giải quyết ly hôn nên Tòa án thụ lý vụ án giải quyết theo quy định tại Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Năm 1989 bà H và ông C sống chung như vợ chồng cho đến nay nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử áp dụng Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng đối với ông bà. Theo đó, bà H và ông C không phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Ông C và bà H có 02 người con chung, hiện nay đều đã trưởng thành, không ai yêu cầu gì nên không xét.

[4] Về cấp dưỡng: Không ai yêu cầu nên không xét.

[5] Về tài sản và nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết tài sản và trình bày không nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu có phát sinh tranh chấp các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án khác.

[6] Án phí sơ thẩm: Bà H là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 6, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Như vậy, bà H phải chịu án phí không có giá ngạch là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, 14, 53, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1- Về hôn nhân: Không công nhận là vợ chồng giữa bà H và ông C.

2- Án phí sơ thẩm: Bà H chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0005449 ngày 17/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh.

3- Bà H có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông C vắng mặt phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Trường Hận